

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc thống nhất các nội dung chi ngân sách năm 2025

I. Thời gian, địa điểm:

Thời gian: Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 03 tháng 01 năm 2025.

Địa điểm: Tại phòng hội đồng trường PTDTBT THCS Phình Giàng.

II. Thành phần:

- | | |
|--|--------------------------------|
| 1. Ông: Phạm Việt Anh | Hiệu trưởng, chủ tài khoản. |
| 2. Ông: Đỗ Văn Hải | Phó hiệu trưởng. |
| 3. Ông: Lò Văn Phường | Phó hiệu trưởng. |
| 4. Bà: Lò Thị Ngọc | Thư ký hội đồng nhà trường. |
| 5. Ông: Nguyễn Văn Đình | Chủ tịch công đoàn trường. |
| 6. Ông: Bùi Xuân Lý | Trưởng ban thanh tra nhân dân. |
| 7. Bà: Sùng Thị Giàng | Kế toán. |
| 8. Cùng toàn thể các đồng chí trong hội đồng sư phạm nhà trường. | |

III. Nội dung:

Tiến hành thống nhất một số nội dung chi ngân sách được giao của nhà trường trong năm 2025.

- Đồng chí Phạm Việt Anh – Hiệu trưởng, chủ tài khoản thông qua quyết định số 500/QĐ-PGDĐT, ngày 31/12/2024 của phòng GD&ĐT huyện Điện Biên Đông về việc giao dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp giáo dục năm 2025 giao cho các đơn vị trường học trong huyện và văn phòng GD&ĐT huyện Điện Biên Đông.

- Đồng chí Sùng Thị Giàng – Kế toán thông qua một số Thông tư, nghị định về việc chi ngân sách như: Thông tư 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách; Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của đơn vị.

- Đồng chí Phạm Việt Anh – Hiệu trưởng, chủ tài khoản thông qua biểu tổng hợp nhu cầu kinh phí, thu và định mức chi năm 2025 cho toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường. Chủ trì việc lấy ý kiến của các đồng chí trong hội đồng nhà

trường đề thống nhất và điều chỉnh nội dung chi. (Có biểu chi tiết kèm theo).

- Sau khi thảo luận các đồng chí trong hội đồng sự phạm nhà trường đã thống nhất việc thu chi theo các mục mà nhà trường đã đưa ra.

Biên bản kết thúc và hồi 15 giờ 30 phút cùng ngày và đã được thông qua cho các đồng chí trong hội đồng sự phạm nhà trường. Các đồng chí cùng nghe và nhất trí ký vào biên bản thống nhất thu, chi ngân sách năm 2025./.

HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

THƯ KÝ



Phạm Việt Anh

Nguyễn Văn Đình

Lò Thị Ngọc

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA CUỘC HỌP

Nguyễn Văn Đình

Vàng Thị Kiều

Lương Văn Tấn

Quảng Văn Thuật

Trần Văn Hòa

Cầm Tường

Lò Thị Vân

Đỗ Văn Hải

Vàng A Xà

Cầm Thị Tường

Lò Văn Phụng

BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ CHI KHÁC NĂM 2025

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Số tháng (Số kỳ)	Số tiền 1 tháng (1 kỳ)	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng cộng			9.468.000.000	
A	Tiền lương + các khoản chi khác			6.742.000.000	
1	Lương và các khoản chi khác theo lương 2025			6.258.000.000	
2	Chế độ tiền lương theo NĐ 73			237.000.000	
B	Chi khác			247.000.000	
1	Tiền điện	12	2.000.000	24.000.000	
2	Tiền Internet	12	210.000	2.520.000	
3	Công tác phí			40.390.000	
4	Văn phòng phẩm giáo viên 500/1gv	24	300.000	7.200.000	
5	Văn phòng phẩm tổ chuyên môn	3	3.000.000	9.000.000	
6	Chế độ phép (năm 2025)	1	5.000.000	5.000.000	
7	Tiền chè nước	10	280.000	2.800.000	
8	Phí ngân hàng	1	1.000.000	1.000.000	
9	Chế độ tăng giờ ngoài trời GVTD			25.000.000	
10	Nâng cấp PM Trang Web			5.000.000	
11	Nâng cấp phần mềm HSCV			5.000.000	
12	BH cháy nổ			2.750.000	
13	Đặt báo Giáo dục thời đại			4.300.000	
14	Phần mềm quản lý văn bản và điều hành tích hợp ứng dụng chữ hóa số			34.600.000	
15	Kinh phí tăng thêm			78.440.000	
15.1	Nâng lương đợt 2 năm 2025			10.072.000	
15.2	Truy lĩnh nâng PC NĐ 77 2024 (Thâm Niên)			9.542.000	
15.3	Truy lĩnh nâng PC NĐ 76 2024 (Lâu năm)			11.340.000	
15.4	Truy lĩnh nâng PC NĐ 77 2025 (Thâm Niên)			10.386.000	
15.5	Truy lĩnh nâng PC NĐ 76 2025 (Lâu năm)			22.520.000	
15.6	Hướng dẫn tập sự			14.580.000	
C	Chế độ chính sách an sinh xã hội			2.726.000.000	
1	Chế độ bán trú theo NDD116/2016			2.027.000.000	
2	Chế độ NDD81/2021			481.000.000	
	Chi phí học tập			451.000.000	
	Miễn giảm			30.000.000	
3	Chế độ khuyết tật TT42/2013			89.000.000	
4	Chính sách hỗ trợ phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật			129.000.000	